

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 3 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 3 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	2
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	6
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh**

Số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Văn	Thành viên
Bà Phạm Kiều Diễm	Thành viên
Ông Ngô Đình Luyện	Thành viên
Ông Cao Trọng Miên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng ban
Ông Tạ Duy Linh	Thành viên
Bà Bùi Thu Hằng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Năm	Phó Tổng Giám đốc Kỹ Thuật
Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Người đại diện theo pháp luật Ông Trần Thanh Văn Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu số B 01- DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	89.822.636.172	107.606.270.185
Tiền	111		39.822.636.172	77.606.270.185
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		478.952.638.889	466.823.472.222
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4	478.952.638.889	466.823.472.222
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		130.997.965.087	93.933.186.979
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	72.651.354.255	63.588.506.863
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.359.934.380	15.079.526.116
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	24.852.571.342	17.492.150.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(957.801.501)	(2.319.479.698)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		91.906.611	92.482.712
Hàng tồn kho	140	8	553.937.104.967	562.436.767.688
Hàng tồn kho	141		595.046.866.469	603.546.529.190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(41.109.761.502)	(41.109.761.502)
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.772.911.779	19.894.996.658
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.036.644.784	2.611.790.874
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.736.266.995	17.283.205.784
TÀI SẢN DÀI HẠN				
Tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	221	9(a)	264.336.885.549	275.205.478.099
- Nguyên giá	222		776.456.831.613	770.303.454.937
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(512.119.946.064)	(495.097.976.838)
Tài sản cố định vô hình	227	9(b)	28.018.213.734	28.559.609.298
- Nguyên giá	228		57.567.728.716	57.567.728.716
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(29.549.514.982)	(29.008.119.418)
Tài sản dở dang dài hạn	240		47.788.483.912	44.698.941.601
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	47.788.483.912	44.698.941.601
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư góp vốn công ty liên doanh, liên kết	252	11	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		51.952.602.919	52.344.290.505
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.497.797.952	4.889.485.538
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	15.771.363.407	15.771.363.407
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	31.233.941.560	31.233.941.560
Tài sản dài hạn khác	268		449.500.000	449.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.693.079.443.008	1.684.003.013.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.126.781.705.415	1.115.286.365.227
Nợ ngắn hạn	310		1.092.415.929.660	1.080.482.878.072
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	143.069.536.971	86.499.511.869
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.424.236.491	64.668.886.442
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.718.744.154	15.817.408.815
Phải trả người lao động	314		109.602.650.461	168.979.544.277
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	75.800.024.701	55.585.690.917
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	107.249.121.227	78.597.166.923
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	583.013.714.597	588.632.147.774
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	36.593.867.244	7.837.855.717
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	9.944.033.814	13.864.665.338
Nợ dài hạn	330		34.365.775.755	34.803.487.155
Phải trả dài hạn khác	337		820.000.000	820.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342	21	33.545.775.755	33.983.487.155
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		566.297.737.593	568.716.648.008
Vốn chủ sở hữu	410	22,23	566.297.737.593	568.716.648.008
Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	12.134.194.059	12.134.194.059
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	87.861.774.310	90.280.684.725
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		67.044.831.225	23.710.488.341
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.816.943.085	66.570.196.384
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.693.079.443.008	1.684.003.013.235

Lê Thị Cẩm Tú
Người lập

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám Đốc
Ngày 19 tháng 4 năm 2017



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			01/01/2017 đến 31/03/2017 VND	01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	01/01/2017 đến 31/03/2017 VND	01/01/2016 đến 31/03/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	779.748.217.013	594.195.533.080	779.748.217.013	594.195.533.080
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		87.991.301.607	51.663.526.491	87.991.301.607	51.663.526.491
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	32	691.756.915.406	542.532.006.589	691.756.915.406	542.532.006.589
Giá vốn hàng bán	11	28	617.037.228.878	467.572.181.811	617.037.228.878	467.572.181.811
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		74.719.686.528	74.959.824.778	74.719.686.528	74.959.824.778
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	10.819.798.936	6.703.266.838	10.819.798.936	6.703.266.838
Chi phí tài chính	22	30	6.321.630.343	5.561.558.282	6.321.630.343	5.561.558.282
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.126.076.797	3.510.819.451	4.126.076.797	3.510.819.451
Chi phí bán hàng	25		34.449.809.814	35.803.246.403	34.449.809.814	35.803.246.403
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.927.204.698	10.449.923.574	7.927.204.698	10.449.923.574
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		36.840.840.609	29.848.363.357	36.840.840.609	29.848.363.357
Thu nhập khác	31	31	885.255.820	404.263.159	885.255.820	404.263.159
Chi phí khác	32		873.737.810	26.005.000	873.737.810	26.005.000
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		11.518.010	378.258.159	11.518.010	378.258.159
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		36.852.358.619	30.226.621.516	36.852.358.619	30.226.621.516
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	16.035.415.534	8.323.918.955	16.035.415.534	8.323.918.955
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.816.943.085	21.902.702.561	20.816.943.085	21.902.702.561
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	412	434	412	434

Lê Thị Cẩm Tú
Người lập

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám Đốc
Ngày 19 tháng 4 năm 2017



CÔNG TY CP PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu số B 03a- DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	01/01/2017 đến 31/03/2017 VND	01/01/2016 đến 31/03/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		36.852.358.619	30.226.621.516
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		17.563.364.790	16.443.177.276
Các khoản dự phòng	03		27.394.333.330	(931.507.256)
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.360.981.898	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.440.698.363)	(4.133.521.627)
Chi phí lãi vay	06		4.126.076.797	3.510.819.451
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77.856.417.071	45.115.589.360
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.279.228.561)	(54.427.267.864)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.499.662.721	31.488.496.733
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(10.280.163.014)	(43.907.201.033)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		966.833.676	(656.712.601)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.744.760.603)	(3.510.819.451)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.073.526.131)	(6.479.653.681)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.920.631.524)	1.440.257.966
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		22.024.603.635	(30.937.310.571)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.242.918.987)	(12.189.491.995)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.129.166.667)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	40.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	4.133.521.627
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(21.372.085.654)	1.944.029.632

	Mã số	Thuyết minh	01/01/2017 đến 31/03/2017 VND	01/01/2016 đến 31/03/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		458.474.381.137	355.062.135.058
Tiền trả nợ gốc vay	34		(465.937.957.581)	(324.702.981.339)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.972.575.550)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.436.151.994)	30.359.153.719
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(17.783.634.013)	1.365.872.780
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		107.606.270.185	132.718.096.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	3	89.822.636.172	134.083.969.659

Lê Thị Cẩm Tú
 Người lập

Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
 Tổng Giám Đốc
 Ngày 19 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty có 1.169 nhân viên (31/12/2016: 1.136 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016. Thông tư 53 được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Tuy nhiên, các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng các sửa đổi liên quan đến tỷ giá hối đoái cho các báo cáo tài chính năm 2015.

Theo Thông tư 200 các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)

của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Theo Thông tư 53, tỷ giá giao dịch thực tế có thể là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày hoặc hàng tuần hoặc hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Đồng thời, theo Thông tư 53, trường hợp Công ty sử dụng tỷ giá xấp xỉ để hạch toán các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ như trên, cuối kỳ kế toán Công ty phải sử dụng tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Tỷ giá chuyển khoản này có thể là tỷ giá mua hoặc bán hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Khoản phải thu khách hàng (tiếp theo)

độc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm
Khác	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

(c) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện. Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi được hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa chủ yếu bao gồm các chi phí quảng cáo, khuyến mãi, chi phí bảo hành sản phẩm, và chi phí vận chuyển.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả

trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.03.2017	31.12.2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.460.016.697	1.585.105.490
Tiền gửi ngân hàng	36.362.619.475	76.021.164.695
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	30.000.000.000
	<u>89.822.636.172</u>	<u>107.606.270.185</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 5,3% đến 9,75% (2016: 5,30% đến 9,75%).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.03.2017	31.12.2016
	VND	VND
Ông Chea Se	18.707.797.680	24.386.255.880
Công ty TNHH Honda Việt Nam	2.315.222.316	5.843.674.317
Công ty Faith Chemical Enterprises	8.884.392.166	6.684.209.766
Công ty TNHH MTV SX & LR Ô tô tải Chu Lai	7.532.628.766	1.428.072.773
Các khách hàng khác	35.211.313.327	25.246.294.127
	<u>72.651.354.255</u>	<u>63.588.506.863</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 2.748.384.317 đồng và 3.106.277.032 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31.03.2017</u>		<u>31.12.2016</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	21.701.387.574	-	14.461.154.670	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.058.584.124	-	2.995.609.191	-
Phải thu khác	92.599.644	-	35.387.125	-
	<u>24.852.571.342</u>	<u>-</u>	<u>17.492.150.986</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31.03.2017			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Ngày
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	Trên 3 năm
Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực	256.132.002	-	256.132.002	Trên 3 năm
Công ty TNHH Faith Chemicals Khác	2.100.802.599 276.497.716	1.777.689.755 12.893.061	323.112.844 263.604.655	Từ 6 tháng đến 1 năm Trên 3 năm
	<u>2.748.384.317</u>	<u>1.790.582.816</u>	<u>957.801.501</u>	

	31.12.2016			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Ngày
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	Trên 3 năm
Công ty tư nhân Mỹ Phương	1.361.678.197	-	1.361.678.197	Trên 3 năm
Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực	256.132.002	-	256.132.002	Trên 3 năm
Công ty TNHH Faith Chemicals Khác	1.077.042.814 296.472.019	753.929.970 32.867.364	323.112.844 263.604.655	Từ 6 tháng đến 1 năm Trên 3 năm
	<u>3.106.277.032</u>	<u>786.797.334</u>	<u>2.319.479.698</u>	

Ban Giám đốc Công ty tin rằng dự phòng phải thu khó đòi là phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

8 HÀNG TỒN KHO

	31.03.2017		31.12.2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	172.849.692.607	-	252.468.088.388	-
Thành phẩm	141.282.002.336	(3.969.951.040)	211.169.804.367	(3.969.951.040)
Chi phí SXKD dở dang	126.054.201.106	(1.882.549.634)	127.101.539.802	(1.882.549.634)
Hàng đang đi trên đường	150.430.714.596	-	8.501.058.245	-
Công cụ, dụng cụ	4.430.255.824	(4.262.205.638)	4.306.038.388	(4.262.205.638)
Hàng hóa	-	-	-	-
	<u>595.046.866.469</u>	<u>(10.114.706.312)</u>	<u>603.546.529.190</u>	<u>(10.114.706.312)</u>
Công cụ và dụng cụ dài hạn	<u>31.233.941.560</u>	<u>(30.995.055.190)</u>	<u>31.233.941.560</u>	<u>(30.995.055.190)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu năm	41.109.761.502	15.496.369.852
Tăng dự phòng	-	25.613.391.650
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối năm	<u>41.109.761.502</u>	<u>41.109.761.502</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm giá trị giảm giá của thành phẩm và chậm luân chuyển của công cụ dụng cụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	135.539.329.927	596.407.565.978	27.232.288.336	9.003.478.396	2.120.792.300	770.303.454.937
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10)	-	3.919.068.507	2.234.308.169	-	-	6.153.376.676
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>135.539.329.927</u>	<u>600.326.634.485</u>	<u>29.466.596.505</u>	<u>9.003.478.396</u>	<u>2.120.792.300</u>	<u>776.456.831.613</u>
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	69.407.622.344	399.221.352.172	16.484.203.321	8.766.965.833	1.217.833.168	495.097.976.838
Khấu hao trong kỳ	2.262.321.897	13.982.166.784	695.312.949	15.059.836	67.107.760	17.021.969.226
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>71.669.944.241</u>	<u>413.203.518.956</u>	<u>17.179.516.270</u>	<u>8.782.025.669</u>	<u>1.284.940.928</u>	<u>512.119.946.064</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>66.131.707.583</u>	<u>197.186.213.806</u>	<u>10.748.085.015</u>	<u>236.512.563</u>	<u>902.959.132</u>	<u>275.205.478.099</u>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>63.869.385.686</u>	<u>187.123.115.529</u>	<u>12.287.080.235</u>	<u>221.452.727</u>	<u>835.851.372</u>	<u>264.336.885.549</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 177.132 triệu đồng (31/12/2016: 175.731 triệu đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 03 năm 2017	47.293.702.056	5.055.248.004	5.218.778.656	57.567.728.716
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	21.244.740.549	4.660.730.055	3.102.648.814	29.008.119.418
Khấu hao trong năm	135.840.219	97.278.398	308.276.947	541.395.564
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	21.380.580.768	4.758.008.453	3.410.925.761	29.549.514.982
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	26.048.961.507	394.517.949	2.116.129.842	28.559.609.298
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	25.913.121.288	297.239.551	1.807.852.895	28.018.213.734

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 19.663 triệu đồng.

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu năm	44.698.941.601	8.542.154.671
Mua trong năm	9.242.918.987	89.445.393.661
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(6.153.376.676)	(53.288.606.731)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
Số dư cuối năm	47.788.483.912	44.698.941.601

Các công trình xây dựng dở dang cơ bản lớn như sau:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Máy móc thiết bị	7.516.811.065	7.636.068.548
Khác	40.271.672.847	37.062.873.053
	47.788.483.912	44.698.941.601

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

11 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:

Đơn vị	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313711629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 3 năm 2016 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 9 tháng 12 năm 2016	26%

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Công cụ, dụng cụ	3.240.012.492	3.782.971.362
Khác	1.257.785.460	1.106.514.176
	<u>4.497.797.952</u>	<u>4.889.485.538</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	4.889.485.538	2.407.932.898
Tăng trong kỳ	334.645.395	5.816.772.651
Phân bổ trong kỳ	(726.332.981)	(3.335.220.011)
Số dư cuối kỳ	<u>4.497.797.952</u>	<u>4.889.485.538</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	15.771.363.407	9.005.082.120
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	6.766.281.287
Số dư cuối kỳ	<u>15.771.363.407</u>	<u>15.771.363.407</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Chi phí phải trả	355.642.667	355.642.667
Dự phòng bảo hành và trợ cấp thôi việc	8.364.268.574	8.364.268.574
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, công cụ dụng cụ	7.051.452.166	7.051.452.166
	<u>15.771.363.407</u>	<u>15.771.363.407</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm 2017 và 2016 là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2017		31.12.2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
<i>Công ty TNHH Thye Ming</i>				
<i>Việt Nam</i>	30.797.208.235	30.797.208.235	23.559.498.820	23.559.498.820
<i>Thai United Plastic</i>				
<i>Industry Ltd.</i>	8.152.452.360	8.152.452.360	6.569.125.566	6.569.125.566
<i>Thai United Industry</i>				
<i>Company Ltd.</i>	10.747.875.626	10.747.875.626	6.562.309.168	6.562.309.168
<i>Samji Metal IND Ltd.</i>	7.477.347.764	7.477.347.764	-	-
<i>Khác</i>	84.338.892.786	84.338.892.786	48.441.553.645	48.441.553.645
Bên liên quan				
(Thuyết minh số 34(b))	1.555.760.200	1.555.760.200	1.367.024.670	1.367.024.670
	<u>143.069.536.971</u>	<u>143.069.536.971</u>	<u>86.499.511.869</u>	<u>86.499.511.869</u>

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 31.03.2017 VND
Thuế TNDN	17.174.775.697	16.035.415.534	(26.073.526.131)	7.136.665.100
Thuế thu nhập cá nhân	505.370.374	5.431.300.657	(4.492.173.804)	1.444.497.227
Thuế GTGT	-	6.600.936.653	(6.600.936.653)	-
Tiền thuế đất và thuế khác	(1.862.737.256)	30.734.072.833	(30.733.753.750)	(1.862.418.173)
	<u>15.817.408.815</u>	<u>58.801.725.677</u>	<u>(67.900.390.338)</u>	<u>6.718.744.154</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Chiết khấu, chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối	73.923.629.527	54.024.004.571
Chi phí vận chuyển	-	395.154.000
Chi phí lãi vay	381.316.194	396.195.400
Chi phí phải trả khác	1.495.078.980	770.336.946
	<u>75.800.024.701</u>	<u>55.585.690.917</u>

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.966.132.819	1.521.813.646
Phải trả khác	105.282.988.408	77.075.353.277
	<u>107.249.121.227</u>	<u>78.597.166.923</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

18 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.03.2017 VND
Vay ngân hàng (*)	556.132.147.774	460.319.524.404	(465.937.957.581)	550.513.714.597
Vay khác (**)	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000
	<u>588.632.147.774</u>	<u>460.319.524.404</u>	<u>(465.937.957.581)</u>	<u>583.013.714.597</u>

(*) Đây là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng. Chi tiết cụ thể như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31.03.2017 VND	01.01.2017 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	USD	1,50% - 1,90%	131.888.302.936	6.490.946.157
	VND	4,50% - 5,13%	82.625.855.313	63.894.491.317
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	2,10%	5.385.775.128	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	USD	-	-	5.639.338.553
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	5,0%	119.033.982.156	183.891.865.900
	VND	5.1% - 6.7%	30.258.370.365	28.300.079.065
	USD	1.4% - 1.5%	140.863.361.744	184.113.401.623
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	1,40%	40.458.066.955	83.802.025.159
			<u>550.513.714.597</u>	<u>556.132.147.774</u>

(**) Đây là khoản vay ngắn hạn tín chấp không lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn đầu tư. Thời hạn hoàn trả khoản vay là vào ngày 2 tháng 5 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31.03.2017	31.12.2016
	VND	VND
Dự phòng chi phí bảo hành	7.837.855.717	7.837.855.717
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.691.487.773	-
Nguồn lương 2016 trích dự phòng	25.064.523.754	-
	<u>36.593.867.244</u>	<u>7.837.855.717</u>

Biến động của khoản dự phòng bảo hành, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ định kỳ, nguồn lương 2016 trích dự phòng trong kỳ như sau:

	31.03.2017	31.12.2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.837.855.717	7.281.312.372
Dự phòng lập trong kỳ	31.297.848.719	13.410.759.873
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng	(2.541.837.192)	(12.854.216.528)
	<u>36.593.867.244</u>	<u>7.837.855.717</u>

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	31.03.2017	31.12.2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.864.665.338	10.624.698.110
Tăng trong kỳ	-	10.107.355.248
Sử dụng quỹ	(3.920.631.524)	(6.867.388.020)
	<u>9.944.033.814</u>	<u>13.864.665.338</u>

21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Dự phòng phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện khoản trích trước chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên tại ngày 31 tháng 03 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	309.812.930.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	93.729.583.577	54.691.781.341	506.110.273.016
Tăng vốn cổ phần (*)	154.904.140.000	(61.174.556.423)	-	(93.729.583.577)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	121.341.940.590	121.341.940.590
Cổ tức bằng tiền mặt (**)	-	-	-	-	(63.511.487.900)	(63.511.487.900)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	464.166.892	14.419.110.657	-	-	14.883.277.549
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	12.134.194.059	(12.134.194.059)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.107.355.247)	(10.107.355.247)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	464.717.070.000	1.584.699.224	-	12.134.194.059	90.280.684.725	568.716.648.008
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	20.816.943.085	20.816.943.085
Cổ tức bằng tiền mặt (***)	-	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	464.717.070.000	1.584.699.224	-	12.134.194.059	87.861.774.310	566.297.737.593

(*) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 9 tháng 5 năm 2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu (tỷ lệ 2:1) để tăng vốn cổ phần từ các nguồn vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo thứ tự ưu tiên: Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần.

(**) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 9 tháng 5 năm 2016 và Nghị quyết số 340/NQ-HĐQT/2016 của Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 8 năm 2016, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 17% trên vốn cổ phần.

(***) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 9 tháng 5 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

23 VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.03.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	46.471.707	-	46.471.707	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.471.707	-	46.471.707	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	-	46.471.707	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.03.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của nhà nước	23.898.273	51,43	23.898.273	51,43
Phần vốn của các đối tượng khác	22.573.434	48,57	22.573.434	48,57
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	100,00	46.471.707	100,00

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

(c) Tình hình biến động vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	30.981.293	309.812.930.000	309.812.930.000
Cổ phiếu mới phát hành	15.490.414	154.904.140.000	154.904.140.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	46.471.707	464.717.070.000	464.717.070.000
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	46.471.707	464.717.070.000	464.717.070.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**24 CỔ TỨC**

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Cổ tức phải trả trong kỳ	23.235.853.500	63.511.487.900
Cổ tức chi trả bằng tiền	(10.972.575.550)	(63.511.487.900)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>12.263.277.950</u>	<u>-</u>

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thức ngày 31.03.2017	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thức ngày 31.03.2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	20.816.943.085	21.902.702.561
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.665.355.447)	(1.752.216.205)
	<hr/>	<hr/>
	<u>19.151.587.638</u>	<u>20.150.486.356</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<hr/>	<hr/>
	<u>46.471.707</u>	<u>46.471.707</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<hr/>	<hr/>
	<u>412</u>	<u>434</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 và dự kiến cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

Ngoài ra, lợi nhuận của kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính kỳ trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ trước. Đồng thời, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân cũng được điều chỉnh tăng nhằm phản ánh ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành thêm từ Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển trong năm.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 1.436.900.000 đồng và 2.413.400.000 đồng tương ứng với kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 35(a)).

(b) Ngoại tệ các loại

	31.03.2017		31.12.2016	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
USD	330.552,55	7.583.777.641	858.940	19.575.234.624
EUR	1.811,52	55.660.783	253	6.125.300
		7.639.438.424		19.581.359.924

27 DOANH THU BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu pin và ắc quy	779.748.217.013	594.195.533.080
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	87.991.301.607	51.663.526.491
Doanh thu thuần về bán hàng		
Doanh thu thuần pin và ắc quy	691.756.915.406	542.532.006.589

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	617.037.228.878	467.572.181.811
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<hr/>	<hr/>
	617.037.228.878	467.572.181.811

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.440.698.363	4.133.521.627
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.379.100.573	2.569.745.211
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
	<hr/>	<hr/>
	10.819.798.936	6.703.266.838

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND
Chi phí lãi vay	4.126.076.797	3.510.819.451
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	960.353.546	2.050.738.831
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.235.200.000	-
	<hr/>	<hr/>
	6.321.630.343	5.561.558.282

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	445.292.067.231	339.801.332.395
Chi phí nhân công	70.946.924.514	58.115.227.824
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.563.364.790	16.443.177.276
Các chi phí khác bằng tiền	52.682.202.178	52.937.354.944
	<hr/>	<hr/>
	586.484.558.713	467.297.092.439
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Xuất Khẩu		Tổng	
	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND
Doanh thu thuần	566.891.289.131	444.977.005.100	124.865.626.275	97.555.001.489	691.756.915.406	542.532.006.589

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau.

	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.852.358.619	30.226.621.516
Thuế TNDN tính ở thuế suất 20%	7.370.471.724	6.045.324.303
<i>Điều chỉnh:</i>		
Quyết toán thuế TNDN năm trước sau khi kết thúc năm tài chính 90 ngày	8.655.350.149	2.271.037.252
Chi phí không được khấu trừ	9.593.661	7.557.400
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>16.035.415.534</u>	<u>8.323.918.955</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành (*)	16.035.415.534	8.323.918.955
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 13)	-	-
	<u>16.035.415.534</u>	<u>8.323.918.955</u>

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****(a) Giao dịch với các bên liên quan****i) Mua hàng hóa**

	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2017 VND	Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2016 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	3.732.172.700	3.550.413.400
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh	277.300.450	213.590.890
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	23.518.000	66.850.000
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	447.022.046	417.227.273
	<u>4.480.013.196</u>	<u>4.248.081.563</u>

ii) Hoạt động tài chính:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Phát sinh trong kỳ	11.949.136.500	32.660.973.100
Đã trả trong kỳ	-	32.660.973.100
Số dư cuối kỳ	<u>11.949.136.500</u>	<u>-</u>

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	1.465.852.740	1.255.287.550
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh	83.747.460	85.073.120
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	6.160.000	26.664.000
	<u>1.555.760.200</u>	<u>1.367.024.670</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**35 CÁC CAM KẾT****(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Trong vòng một năm	1.101.000.000	1.956.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	335.900.000	457.400.000
	<u>1.436.900.000</u>	<u>2.413.400.000</u>

(b) Cam kết vốn

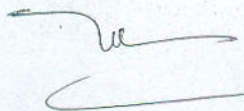
Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	31.03.2017 VND	31.12.2016 VND
Máy móc và thiết bị	36.531.988.736	23.852.521.004
Nhà cửa và vật kiến trúc	8.380.533.138	4.192.881.708
Hệ thống điện	552.303.493	552.303.493
Khác	20.292.542.422	21.320.942.422
	<u>65.757.367.789</u>	<u>49.918.648.627</u>

36 GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Lợi nhuận trước thuế quý 1 năm 2017 đạt 36,852 tỷ đồng; tăng 6,626 tỷ đồng (tương đương 21,92.%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu tăng và kiểm soát tốt chi phí.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 19 tháng 4 năm 2017.



Lê Thị Cẩm Tú
Người lập



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng




Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc